

Số: 443/BQL

Đồng Hới, ngày 09 tháng 4 năm 2026

Về việc công khai Dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án thành phần 2 - cầu Nhật Lệ 3 và đường 2 đầu cầu thuộc Dự án Đường ven biển và cầu Nhật Lệ 3, tỉnh Quảng Trị tại phường Đồng Hới (đối với 07 hộ đất nông nghiệp).

Kính gửi:

- UBND phường Đồng Hới;
- 07 hộ gia đình, cá nhân, tổ chức bị ảnh hưởng.

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024;

Căn cứ Nghị Quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc Hội;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền địa phương 2 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành luật đất đai;

Căn cứ Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc Hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Bình;

Căn cứ Quyết định số 33/2024/QĐ-UBND ngày 31/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Bình V/v ban hành quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Bình;

Căn cứ Quyết định số 31/2024/QĐ-UBND ngày 31/10/20224 của UBND tỉnh Quảng Bình V/v ban hành quy định mức bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất gây thiệt hại đối với vật nuôi là thủy sản hoặc vật nuôi khác mà không thể di chuyển trên địa bàn tỉnh Quảng Bình;

Căn cứ Quyết định số 12/2025/QĐ-UBND ngày 26/02/2025 của UBND tỉnh Quảng Bình về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại

về cây trồng, vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Bình ban hành kèm theo Quyết định số 33/2024/QĐ-UBND ngày 31/10/2024;

Căn cứ Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của HĐND tỉnh Quảng Trị Quy định Bảng giá đất áp dụng từ ngày 01/01/2026 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

Căn cứ Quyết định số 23/2026/QĐ-UBND ngày 11/02/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị quy định đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất; mức bồi thường chi phí di chuyển tài sản và mức bồi thường, hỗ trợ do phải di dời mồ mả trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

Căn cứ Thông báo số 31/TB-UBND ngày 23/01/2025 của UBND thành phố Đồng Hới về thu hồi đất để thực hiện dự án thành phần 2 - cầu Nhật Lệ 3 và đường 2 đầu cầu thuộc Dự án Đường ven biển và cầu Nhật Lệ 3, tỉnh Quảng Bình, địa điểm tại xã Bảo Ninh, thành phố Đồng Hới (đợt 3);

Căn cứ Thông báo số 1332/TB-UBND ngày 20/3/2026 của UBND phường Đồng Hới về chủ trương thu hồi đất để thực hiện dự án thành phần 2 - cầu Nhật Lệ 3 và đường 2 đầu cầu thuộc Dự án Đường ven biển và cầu Nhật Lệ 3, tỉnh Quảng Bình, địa điểm tại phường Đồng Hới (đợt 11);

Căn cứ Thông báo số 2202/TB-UBND ngày 22/9/2025 của UBND phường Đồng Hới về chủ trương thu hồi đất để thực hiện dự án thành phần 2 - cầu Nhật Lệ 3 và đường 2 đầu cầu thuộc Dự án Đường ven biển và cầu Nhật Lệ 3, tỉnh Quảng Bình, địa điểm tại phường Đồng Hới (đợt 8);

Căn cứ Thông báo số 4575/TB-UBND ngày 25/11/2025 của UBND phường Đồng Hới về điều chỉnh danh sách kèm theo thông báo số 31/TB-UBND ngày 23/01/2025 của UBND thành phố Đồng Hới cũ về chủ trương thu hồi đất để thực hiện dự án thành phần 2 - cầu Nhật Lệ 3 và đường 2 đầu cầu thuộc Dự án Đường ven biển và cầu Nhật Lệ 3, tỉnh Quảng Bình, địa điểm tại phường Đồng Hới (đợt 3);

Căn cứ kết quả chỉnh lý địa chính phục vụ thu hồi đất (đợt 3 - điều chỉnh lần 2) khu đất: Cầu Nhật Lệ 3 và đường 2 đầu cầu thuộc do Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh lập ngày 28/6/2025 được Sở Nông nghiệp và Môi trường ký duyệt ngày 10/7/2025;

Căn cứ kết quả chỉnh lý địa chính phục vụ thu hồi đất (phần điều chỉnh bổ sung đợt 4) tờ bản đồ số 25 khu đất: Cầu Nhật Lệ 3 và đường 2 đầu cầu thuộc do Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh lập ngày 17/3/2026 được Sở Nông nghiệp và Môi trường ký duyệt ngày 19/3/2025;

Căn cứ kết quả chỉnh lý địa chính phục vụ thu hồi đất (đợt 5) tờ bản đồ số 87, phường Đồng Hới, khu đất: Cầu Nhật Lệ 3 và đường 2 đầu cầu thuộc do Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh lập ngày 24/11/2025 được Sở Nông nghiệp và Môi trường ký duyệt ngày 19/3/2025;

Căn cứ kết quả chỉnh lý địa chính phục vụ thu hồi đất (đợt 4) tờ bản đồ số 25 khu đất: Cầu Nhật Lệ 3 và đường 2 đầu cầu thuộc do Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh lập ngày 10/4/2026 được Sở Nông nghiệp và Môi trường ký duyệt ngày 09/5/2025;

Căn cứ các văn bản xác nhận của UBND phường Đồng Hới;

Căn cứ Công văn số 633/KTHTĐT ngày 17/3/2026 của phòng Kinh tế, hạ tầng và Đô thị phường Đồng Hới V/v cung cấp phương án giá đất để lập phương án bồi

thường khi Nhà nước thu hồi đất Dự án thành phần 2 - Cầu Nhật Lệ 3 và đường 2 đầu cầu kèm theo Chứng thư định giá đất số 02/CT-BQL ngày 28/01/2026 của Ban quản lý dự án ĐTXD và PTQĐ Đồng Hới;

Căn cứ Công văn số 741/KTHTĐT ngày 27/3/2026 của phòng Kinh tế, hạ tầng và Đô thị phường Đồng Hới V/v cung cấp phương án giá đất để lập phương án bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất Dự án thành phần 2 - Cầu Nhật Lệ 3 và đường 2 đầu cầu kèm theo Chứng thư định giá đất số 12/CT-BQL ngày 27/3/2026 của Ban quản lý dự án ĐTXD và PTQĐ Đồng Hới;

Căn cứ Biên bản về việc lấy ý kiến về phương án đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm của hộ gia đình có đất thu hồi để GPMB thực hiện dự án thành phần 2 - cầu Nhật Lệ 3 và đường 2 đầu cầu, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị (đợt 11);

Căn cứ Biên bản làm việc ngày 05/12/2025 về việc kiểm kê đất, tài sản bị ảnh hưởng của các hộ gia đình, cá nhân để giải phóng mặt Dự án thành phần 2 - cầu Nhật Lệ 3 và đường 2 đầu cầu, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị;

Căn cứ Báo cáo chính thức về Diện tích, năng suất, sản lượng cây hàng năm năm 2024 của Chi cục Thống kê Đồng Hới (nay là Thống kê cơ sở Đồng Hới);

Căn cứ Phiếu điều tra giá bán lẻ hàng hoá và dịch vụ tiêu dùng kỳ ngày 18 tháng 3 năm 2026 của Thống kê cơ sở Đồng Hới;

Căn cứ Công bố số 2462/CB-SXD ngày 06/4/2026 của Sở Xây dựng Công bố Giá vật liệu xây dựng tháng 3 năm 2026 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

Căn cứ Biên bản kiểm kê khối lượng bồi thường GPMB và các hồ sơ giấy tờ liên quan.

Ban Quản lý dự án ĐTXD và PTQĐ Đồng Hới lập Dự thảo Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án thành phần 2 - cầu Nhật Lệ 3 và đường 2 đầu cầu thuộc Dự án Đường ven biển và cầu Nhật Lệ 3, tỉnh Quảng Trị, tại phường Đồng Hới.

(Có Dự thảo Phương án bồi thường, hỗ trợ kèm theo).

Để thực hiện đúng theo quy định tại điểm b khoản 9 Điều 3 Nghị Quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc Hội và hoàn thiện phương án bồi thường đúng chính sách, chế độ quy định hiện hành của Nhà nước, Ban Quản lý dự án ĐTXD và PTQĐ Đồng Hới phối hợp với UBND phường Đồng Hới; tổ chức niêm yết công khai phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án thành phần 2 - cầu Nhật Lệ 3 và đường 2 đầu cầu thuộc Dự án Đường ven biển và cầu Nhật Lệ 3 (đối với 15 hộ đất nông nghiệp).

Thời gian niêm yết công khai 10 ngày, kể từ ngày 09/4/2026 đến ngày 19/4/2026.

Địa điểm niêm yết công khai: Tại trụ sở Ủy ban nhân dân phường Đồng Hới, địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất thu hồi, đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân phường Đồng Hới và gửi trực tiếp cho các hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng.

Các kiến nghị, đề xuất của các hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng đề nghị gửi cho Ban Quản lý dự án ĐTXD và PTQĐ Đồng Hới - Địa chỉ: Tầng 5 - Trụ sở UBND

phường Đồng Hới - số 88 Phạm Văn Đồng, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị chậm nhất đến ngày **19/4/2026**.

Sau khi hết thời hạn niêm yết công khai Dự thảo Phương án bồi thường, hỗ trợ, Ban Quản lý dự án ĐTXD và PTQĐ Đồng Hới sẽ phối hợp với UBND phường Đồng Hới, UBMT TQVN phường Đồng Hới tổ chức họp đối thoại trong trường hợp còn có ý kiến không đồng ý về phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư.

Để việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đúng quy định, Ban quản lý dự án kính đề nghị UBND phường Đồng Hới quan tâm, phối hợp thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND phường Đồng Hới (báo cáo);
- Phòng KTHT&ĐT;
- Ban QLDA cầu Nhật Lệ 3 và đường 2 đầu cầu;
- Lưu: VT, GPMB.

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Thị Hương Giang

DỰ THẢO PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ TÁI ĐỊNH CƯ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT

Công trình: Dự án thành phần 2 - cầu Nhật Lệ 3 và đường 2 đầu cầu thuộc Dự án Đường ven biển và cầu Nhật Lệ 3, tại phường Đồng

Hới, tỉnh Quảng Trị

(Kèm theo Công văn số: 443/BQL ngày 09 tháng 4 năm 2026 của Ban quản lý dự án ĐTXD và PTQĐ Đồng Hới)

I/ CĂN CỨ PHÁP LÝ:

- Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024;
- Căn cứ Nghị Quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc Hội;
- Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư;
- Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai;
- Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền địa phương 2 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;
- Căn cứ Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;
- Căn cứ Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc Hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;
- Căn cứ Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Bình;
- Căn cứ Quyết định số 33/2024/QĐ-UBND ngày 31/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Bình V/v ban hành quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Bình;
- Căn cứ Quyết định số 31/2024/QĐ-UBND ngày 31/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Bình V/v ban hành quy định mức bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất gây thiệt hại đối với vật nuôi là thủy sản hoặc vật nuôi khác mà không thể di chuyển trên địa bàn tỉnh Quảng Bình;
- Căn cứ Quyết định số 12/2025/QĐ-UBND ngày 26/02/2025 của UBND tỉnh Quảng Bình về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Bình ban hành kèm theo Quyết định số 33/2024/QĐ-UBND ngày 31/10/2024;
- Căn cứ Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của HĐND tỉnh Quảng Trị Quy định Bảng giá đất áp dụng từ ngày 01/01/2026 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

- Căn cứ Quyết định số 23/2026/QĐ-UBND ngày 11/02/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị V/v ban hành quy định đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất; mức bồi thường chi phí di chuyển tài sản và mức bồi thường hỗ trợ đo phai di dời mộ mà khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;
- Căn cứ Công văn số 532/UBND-NNMT ngày 09/02/2026 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc triển khai công tác quản lý đất đai sau khi Chính phủ ban hành Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026;
- Căn cứ Quyết định số 1803/QĐ-UBND ngày 03/10/2025 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc áp dụng văn bản quy phạm pháp luật do UBND tỉnh Quảng Bình và Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị (cũ) ban hành trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;
- Căn cứ Thông báo số 31/TB-UBND ngày 23/1/2025 của UBND thành phố Đồng Hới về chủ trương thu hồi đất để thực hiện dự án thành phần 2 - cầu Nhật Lệ 3 và đường 2 đầu cầu thuộc Dự án Đường ven biển và cầu Nhật Lệ 3, tỉnh Quảng Bình, địa điểm tại phường Đồng Hới (đợt 3);
- Căn cứ Thông báo số 1332/TB-UBND ngày 20/3/2026 của UBND phường Đồng Hới về chủ trương thu hồi đất để thực hiện dự án thành phần 2 - cầu Nhật Lệ 3 và đường 2 đầu cầu thuộc Dự án Đường ven biển và cầu Nhật Lệ 3, tỉnh Quảng Bình, địa điểm tại phường Đồng Hới (đợt 11);
- Căn cứ Thông báo số 2202/TB-UBND ngày 22/9/2025 của UBND phường Đồng Hới về chủ trương thu hồi đất để thực hiện dự án thành phần 2 - cầu Nhật Lệ 3 và đường 2 đầu cầu thuộc Dự án Đường ven biển và cầu Nhật Lệ 3, tỉnh Quảng Bình, địa điểm tại phường Đồng Hới (đợt 8);
- Căn cứ Thông báo số 4575/TB-UBND ngày 25/11/2025 của UBND phường Đồng Hới về điều chỉnh danh sách kèm theo thông báo số 31/TB-UBND ngày 23/01/2025 của UBND thành phố Đồng Hới cũ về chủ trương thu hồi đất để thực hiện dự án thành phần 2 - cầu Nhật Lệ 3 và đường 2 đầu cầu thuộc Dự án Đường ven biển và cầu Nhật Lệ 3, tỉnh Quảng Bình, địa điểm tại phường Đồng Hới (đợt 3);
- Căn cứ kết quả chỉnh lý địa chính phục vụ thu hồi đất (đợt 3 - điều chỉnh lần 2) khu đất: Cầu Nhật Lệ 3 và đường 2 đầu cầu thuộc do Trung tâm Phát triển quy hoạch tỉnh lập ngày 28/6/2025 được Sở Nông nghiệp và Môi trường ký duyệt ngày 10/7/2025;
- Căn cứ kết quả chỉnh lý địa chính phục vụ thu hồi đất (phần điều chỉnh bổ sung đợt 4) tờ bản đồ số 25 khu đất: Cầu Nhật Lệ 3 và đường 2 đầu cầu thuộc do Trung tâm Phát triển quy hoạch tỉnh lập ngày 17/3/2026 được Sở Nông nghiệp và Môi trường ký duyệt ngày 19/3/2025;
- Căn cứ kết quả chỉnh lý địa chính phục vụ thu hồi đất (đợt 5) tờ bản đồ số 87, phường Đồng Hới, khu đất: Cầu Nhật Lệ 3 và đường 2 đầu cầu thuộc do Trung tâm Phát triển quy hoạch tỉnh lập ngày 24/11/2025 được Sở Nông nghiệp và Môi trường ký duyệt ngày 19/3/2025;
- Căn cứ kết quả chỉnh lý địa chính phục vụ thu hồi đất (đợt 4) tờ bản đồ số 25 khu đất: Cầu Nhật Lệ 3 và đường 2 đầu cầu thuộc do Trung tâm Phát triển quy hoạch tỉnh lập ngày 10/4/2026 được Sở Nông nghiệp và Môi trường ký duyệt ngày 09/5/2025;
- Căn cứ Công văn số 523/UBND ngày 13/6/2025 của UBND xã Bảo Ninh V/v nguồn gốc thời điểm sử dụng đất của các hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất dự án thành phần 2 - cầu Nhật Lệ 3 và đường 2 đầu cầu tại xã Bảo Ninh
- Căn cứ Công văn số 1012/UBND-KTHTĐT ngày 04/3/2026 của UBND phường Đồng Hới xác nhận nguồn gốc thời điểm sử dụng đất của các hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất dự án thành phần 2 - cầu Nhật Lệ 3 và đường 2 đầu cầu tại xã Bảo Ninh
- Căn cứ Công văn số 1455/UBND-KTHTĐT ngày 27/3/2026 của UBND phường Đồng Hới V/v xác nhận nghề nghiệp, thu nhập của các hộ gia đình, cá nhân thuộc dự án thành phần 2 - Cầu Nhật Lệ 3 và đường 2 đầu cầu;

- Căn cứ Công văn số 1454/UBND-KTHTĐT ngày 27/3/2026 của UBND phường Đồng Hới V/v xác nhận thời điểm tạo lập tài sản của các hộ, gia đình bị ảnh hưởng dự án thành phần 2 - Cầu Nhật Lệ 3 và đường 2 đầu cầu;
- Căn cứ Công văn số 1630/UBND-KTHTĐT ngày 03/4/2026 của UBND phường Đồng Hới V/v xác nhận thời điểm tạo lập tài sản của các hộ, gia đình bị ảnh hưởng dự án thành phần 2 - Cầu Nhật Lệ 3 và đường 2 đầu cầu;
- Căn cứ giấy xác nhận số 1818/GXN-UBND ngày 13/4/2026 của UBND phường Đồng Hới xác nhận về tỷ lệ (phần trăm) diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi trên tổng diện tích nông nghiệp đang sử dụng của các hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng do giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án thành phần 2 - Cầu Nhật Lệ 3 và đường 2 đầu cầu;
- Căn cứ Công văn số 1819/UBND-KTHTĐT ngày 13/4/2026 của UBND phường Đồng Hới V/v xác nhận nghề nghiệp, thu nhập, thời điểm tạo lập tài sản của các hộ gia đình, cá nhân thuộc dự án thành phần 2 - Cầu Nhật Lệ 3 và đường 2 đầu cầu;
- Căn cứ Công văn số 1862/UBND-KTHTĐT ngày 14/4/2026 của UBND phường Đồng Hới xác nhận nguồn gốc thời điểm sử dụng đất của các hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất dự án thành phần 2 - Cầu Nhật Lệ 3 và đường 2 đầu cầu tại xã Bảo Ninh
- Căn cứ Công văn số 633/KTHTĐT ngày 17/3/2026 của phòng Kinh tế, hạ tầng và Đô thị phường Đồng Hới V/v cung cấp phương án giá đất để lập phương án bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất Dự án thành phần 2 - Cầu Nhật Lệ 3 và đường 2 đầu cầu kèm theo Chứng thư định giá đất số 02/CT-BQL ngày 28/01/2026 của Ban quản lý dự án ĐTXD và PTQĐ Đồng Hới;
- Căn cứ Công văn số 741/KTHTĐT ngày 27/3/2026 của phòng Kinh tế, hạ tầng và Đô thị phường Đồng Hới V/v cung cấp phương án giá đất để lập phương án bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất Dự án thành phần 2 - Cầu Nhật Lệ 3 và đường 2 đầu cầu kèm theo Chứng thư định giá đất số 12/CT-BQL ngày 27/3/2026 của Ban quản lý dự án ĐTXD và PTQĐ Đồng Hới;
- Căn cứ Biên bản về việc lấy ý kiến về phương án đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm của hộ gia đình có đất thu hồi để GPMB thực hiện dự án thành phần 2 - Cầu Nhật Lệ 3 và đường 2 đầu cầu, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị (đợt 11);
- Căn cứ Biên bản làm việc ngày 05/12/2025 về việc kiểm kê đất, tài sản bị ảnh hưởng của các hộ gia đình, cá nhân để giải phóng mặt Dư án thành phần 2 - Cầu Nhật Lệ 3 và đường 2 đầu cầu, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị;
- Căn cứ Báo cáo chính thức về Diện tích, năng suất, sản lượng cây hàng năm năm 2024 của Chi cục Thống kê Đồng Hới (nay là Thống kê cơ sở Đồng Hới);
- Căn cứ Phiếu điều tra giá bán lẻ hàng hoá và dịch vụ tiêu dùng kỳ ngày 18 tháng 3 năm 2026 của Thống kê cơ sở Đồng Hới;
- Căn cứ Công bố số 2462/CB-SXD ngày 06/4/2026 của Sở Xây dựng Công bố Giá vật liệu xây dựng tháng 3 năm 2026 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;
- Căn cứ Biên bản kiểm kê khối lượng bồi thường GPMB và các giấy tờ liên quan.

II/ NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ:

1/ Tổng diện tích đất thu hồi: 2.714,4 m²

Trong đó:

- Hộ gia đình, cá nhân sử dụng:

+ Đất nuôi trồng cây hàng năm khác (HNK):

1.744,7 m²

 

- Tổ chức sử dụng:
- + Đất nuôi trồng thủy sản (NTS) 969,7 m²
- 2/ Tổng số người có đất thu hồi: 07 hộ gia đình, cá nhân và tổ chức.
- 3/ Phương án đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hồ trợ bằng tiền.
- 4/ Phương án bố trí tái định cư: Không.
- 5/ Phương án di dời mà mã trong phạm vi đất thu hồi: Không.
- 6/ Phương án di chuyển các công trình hạ tầng trong phạm vi đất thu hồi: Không.
- 7/ Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư:
 - 981.383.097 đồng
- a/ Tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất:
 - 981.383.097 đồng
 - Bồi thường về đất: 97.703.200 đồng
 - Bồi thường, hỗ trợ tài sản trên đất: 380.128.577 đồng
 - Các khoản hỗ trợ khác: 503.551.320 đồng
- b/ Chi phí bảo đảm cho việc tổ chức thực hiện BT, HT, TĐC: đồng
- c/ Chi phí tư vấn xác định giá đất cụ thể: đồng
- 8/ Tiến độ thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư:
 - Thời gian thực hiện chi trả tiền: Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày có Quyết định phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án.
 - Thời gian nhận tiền bồi thường, hỗ trợ và bàn giao mặt bằng: Trong thời gian 20 ngày kể từ ngày Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ Đồng Hới có thông báo chi trả tiền lần đầu.
- 9/ Phương án chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư:

TT	Họ và tên Đanh mục bồi thường, hỗ trợ	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Mức hỗ trợ (%)	Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
1	Ông, bà: Đào Văn Thanh - Phạm Thị Luận - CCCD: 044071000041 - SĐT: 0989415033 - Địa chỉ: TDP Cửa Phú, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị. - Chỗ ở hiện nay: TDP Cửa Phú, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị.							24.001.600	31.557.831	122.408.160	177.968.000	TB số 1332/TB-UBND ngày 20/3/2026

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)		Mức hỗ trợ (%)	Thành tiền (đồng)		Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
				Đất	Tài sản trên đất		Đất	Hỗ trợ		
A/	Bồi thường về đất (Bồi thường về đất căn cứ quy định tại Điều 95, Điều 96 Luật Đất đai năm 2024)									
	Giá đất tính bồi thường căn cứ Công văn số 741/KTHT&ĐT ngày 27 tháng 3 năm 2026 của phòng Kinh tế Hạ tầng và Đô thị về việc cung cấp phương án giá đất để lập phương án bồi thường khi nhà nước thu hồi đất công trình dự án thành phần 2 - Cầu Nhật Lệ 3 và đường 2 đầu cầu, tại phường Đồng Hới, tỉnh Quảng trị									
	Kèm theo chứng thư định giá đất số 12/CT-BQL ngày 27 tháng 03 năm 2026 của Ban quản lý dự án ĐTXD và PTOĐ Đồng Hới									
-	Đất trồng cây hàng năm khác (HNK), thửa 193-6-2, TĐĐ số 87	m ²	118,10	56.000				6.613.600		
-	Đất trồng cây hàng năm khác (HNK), thửa 219-2, TĐĐ số 87	m ²	15,10	56.000				845.600		
	Nguồn gốc đất (thửa 193-6-2, thửa 219-2, TĐĐ 87): Đất do Bố, mẹ khai hoang, sử dụng trồng cây hàng năm từ trước năm 1989, đến năm 1995 cho con Là Đào Văn Thành - Phạm Thị Luận sử dụng cho đến nay được UBND phường Đồng Hới xác nhận tại Công văn số 1862/UBND-KTHTĐT ngày 14/4/2026.									
-	Đất trồng cây hàng năm khác (HNK), thửa 193-5-1, TĐĐ số 25	m ²	4,30	56.000				240.800		
	Nguồn gốc đất (thửa 193-5-1, TĐĐ 25): Do Bố, mẹ khai hoang, sử dụng trồng cây hàng năm từ trước năm 1989, đến năm 1995 cho con Là Đào Văn Thành - Phạm Thị Luận sử dụng cho đến nay được UBND phường Đồng Hới xác nhận tại Công văn số 1012/UBND-KTHTĐT ngày 04/3/2026.									
-	Đất trồng cây hàng năm khác (HNK), thửa 219(1), TĐĐ số 25	m ²	164,10	56.000				9.189.600		
-	Đất trồng cây hàng năm khác (HNK), thửa 193(6-1), TĐĐ số 25	m ²	127,00	56.000				7.112.000		
	Nguồn gốc đất (thửa 219(1), thửa 193(6-1), TĐĐ 25): Do Bố, mẹ khai hoang, sử dụng trồng cây hàng năm từ trước năm 1989, đến năm 1995 cho con Là Đào Văn Thành - Phạm Thị Luận tiếp tục sử dụng cho đến nay được UBND xã Bao Ninh (cũ) xác nhận tại Công văn số 523/UBND ngày 04/3/2026.									
	Tổng diện tích đất bị thu hồi:		428,60							
B/	Bồi thường, hỗ trợ tài sản trên đất:								31.557.831	
*	Tài sản tạo lập trước thông báo thu hồi đất được UBND phường Đồng Hới xác nhận tại Công văn số 1819/UBND-KTHTĐT ngày 13/4/2026.									
-	Khoai Lang lấy củ, KT: 428,6 (Sản lượng: diện tích * năng suất: 428,6*0.6811 kg/m2)	kg	291,92		23.400				6.830.915	SITT 3 Mục A - QĐ 12/2025
	Năng suất khoai lang lấy củ năm 2024 đạt 68,11 tạ/ha = 0.6811 kg/m2 (theo báo cáo chỉnh thực diện tích, năng suất, sản lượng cây hàng năm 2024 của Chi cục Thống kê Đồng Hới)									

Handwritten signature

TT	Họ và tên	Hộ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
					Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	Mức hỗ trợ (%)	Đất	Tài sản trên đất		
-		Hỗ trợ 01 vụ khoai lang lấy củ. Sàn lượng khoai lang = 428,6 m ² *0,6811 kg/m ² = 291,919 kg	kg	291,92		23.400			6.830.915		STT 3 Mục A - QĐ 12/2025	
<i>Hỗ trợ căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 15 Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị</i>												
-		Bạch đàn: Cây đk 20cm < Φ ≤ 25cm	Cây	1,00		284.400			284.400		DG, STT 2.10, Mục D, QĐ 12/2025	
-		Phi Lao: Cây đường kính 20cm < Φ ≤ 25cm	Cây	1,00		284.400			284.400		DG, STT 2.10, Mục D, QĐ 12/2025	
-		Sanh: Cây từ đường kính 8cm < Φ ≤ 12 cm	Cây	6,00		540.000		50%	1.620.000		DG, STT 6.1, Mục F, QĐ 12/2025	
<i>(Riêng sanh, si, đa, để giá bằng 50% mức giá tại sơ 6/F phục lục I theo quy định tại QĐ 12/2025/QĐ-UBND sửa đổi, bổ sung một số điều của QĐ số 33/2024/QĐ-UBND)</i>												
-		Giếng khoan đất cát (khoan máy), loại ống Φ 76, khoan sâu 10m	giếng	2,00		7.385.000			14.770.000		STT 28.9/VL/B PL 1, QĐ 23/2026	
-		Khóa nhựa Φ 42	cái	2,00		45.000			90.000		Khảo giá	
-		Co nhựa Φ 42	cái	2,00		12.000			24.000		Khảo giá	
-		T nối Φ 42	cái	2,00		12.000			24.000		Khảo giá	
-		Ông nhựa PVC Φ 42 dày 1,8mm	m	25,00		31.968			799.200		DG Sst 2644, Công bố số 2462/CB-SXD ngày 06/4/2026	
<i>(Đơn giá 29.600 đ/m + 8 % thuế VAT = 31.968 đồng/m). Mức Thuế GTGT 8 % theo Nghị định 174/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025</i>												
C/	<u>Các khoản hỗ trợ</u>										<u>122.408.160</u>	
-		Số nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất	khẩu	2,00								
-		Hỗ trợ ổn định đời sống khi Nhà nước thu hồi đất chiếm tỷ lệ 95% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng.	kg									
<i>(Đã được hỗ trợ đời sống 12 tháng khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp tại Quyết định số 4527/QĐ-UBND ngày 24/6/2025 của UBND thành phố Đồng Hới (cũ))</i>												
-		Hỗ trợ đào tạo nghề và tìm kiếm việc làm. Mức hỗ trợ bằng 5 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất quy định tại Nghị quyết số 12/2025/NĐ-HĐND. Cụ thể: 56.000đ/m ² x 5 lần = 280.000đ/m ²	m ²	428,60		280.000			120.008.000			
<i>(Ông bà: Đào Văn Thanh - Phạm Thị Luận được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho hộ gia đình, cả nhân khi Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại khoản 1 Điều 22 Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ. Lý do: ông, bà: Đào Văn Thanh - Phạm Thị Luận có thu nhập từ sản xuất nông nghiệp trên đất do (thửa đất bị thu hồi) theo xác nhận của UBND phường Đồng Hới tại Công văn số 1819/TUBND-KTHTĐT ngày 13/4/2026</i>												

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)		Mức hỗ trợ (%)	Thành tiền (đồng)		Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
				Đất	Tài sản trên đất		Đất	Tài sản trên đất		
-	Hỗ trợ ổn định sản xuất kinh doanh. Mức hỗ trợ bằng 10% giá đất cùng loại trong bảng giá đất quy định tại Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị. Cụ thể: $56.000đ/m^2 \times 10\% = 5.600đ/m^2$	m ²	428,60			5.600		2.400.160		
<i>(Căn cứ hồ trợ ổn định sản xuất kinh doanh quy định tại khoản 6 điều 20 nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 và điểm a, khoản 4 Điều 11, Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)</i>										
2	Ông, bà: Phạm Mạnh - Hoàng Thị Duyên. - CCCD: 044059001693 - SĐT: 0369736539 - Địa chỉ: TDP Cù Phú, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị. - Chỗ ở hiện nay: TDP Cù Phú, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị.								38.166.000	TB số 1332/TB-UBND ngày 20/3/2026
A/	Bồi thường về đất (Bồi thường về đất căn cứ quy định tại Điều 95, Điều 96 Luật Đất đai năm 2024)									
	Giá đất tính bồi thường căn cứ Công văn số 741/KTHT&ĐT ngày 27 tháng 3 năm 2026 của phòng Kinh tế Hạ tầng và Đô thị về việc cung cấp phương án giá đất để lập phương án bồi thường khi nhà nước thu hồi đất công trình dự án thành phần 2 - Cầu Nhật Lệ 3 và đường 2 đầu cầu, tại phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị									
	Kèm theo chứng thư định giá đất số 12/CT-BQL ngày 27 tháng 03 năm 2026 của Ban quản lý dự án ĐTXD và PTQĐ Đồng Hới									
-	Đất trồng cây hàng năm khác (HNK), thửa 193-3-1, TĐĐ số 25	m ²	100,00	56.000			5.600.000			
<i>Nguồn gốc đất: Do ông, bà Phạm Mạnh - Hoàng Thị Duyên khai trồng cây hàng năm khác từ năm 1989 đến nay được UBND phường Đồng Hới xác nhận tại Công văn số 1012/UBND-KTHTĐT ngày 04/3/2026.</i>										
B/	Bồi thường, hỗ trợ tài sản trên đất:							4.006.400		
*	Tài sản tạo lập trước thông báo thu hồi đất theo xác nhận của UBND phường Đồng Hới xác nhận tại Công văn số 1819/UBND-KTHTĐT ngày 13/4/2026.									
-	Bạch đàn: Cây đk 20cm $\Phi \leq 25\text{cm}$	Cây	3,00	284.400			853.200			ĐG, STT 2.10, Mục D, QĐ 12/2025
-	Phi Lao: Cây đường kính 20cm $\Phi \leq 25\text{cm}$	Cây	3,00	284.400			853.200			ĐG, STT 2.10, Mục D, QĐ 12/2025
-	Sanh: Cây từ đường kính 8cm $\Phi \leq 12\text{ cm}$	Cây	8,00	270.000			2.160.000			ĐG, STT 6.1, Mục F, QĐ 12/2025

Handwritten signatures and initials in blue ink.

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Mức hỗ trợ (%)	Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú	
				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ			
	<i>(Riêng sanh, si, đá, đá giá bằng 50% mức giá tại stt 6/F phục lục I theo quy định tại QĐ 12/2025/QĐ-UBND sửa đổi, bổ sung một số điều của QĐ số 33/2024/QĐ-UBND)</i>												
	<i>(Riêng sanh, si, đá, đá giá bằng 50% mức giá tại stt 6/F phục lục I theo quy định tại QĐ 12/2025/QĐ-UBND sửa đổi, bổ sung một số điều của QĐ số 33/2024/QĐ-UBND)</i>												
	Sanh: Cây từ đường kính 5cm $\Phi \leq 8\text{ cm}$	Cây	2,00		70.000			140.000					DG, STT 6.1, Mục F, QĐ 12/2025
C/	Các khoản hỗ trợ										28.560.000		
-	Số nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất	khâu	2,00										
	Hỗ trợ ổn định đời sống khi Nhà nước thu hồi đất chiếm tỷ lệ 13,46% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng.	kg									0		
	<i>(Đã tính hỗ trợ tại Phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất ở phải di chuyển chỗ ở)</i>												
	Hỗ trợ đào tạo nghề và tìm kiếm việc làm. Mức hỗ trợ bằng 5 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất quy định tại Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND. Cụ thể: 56.000đ/m ² x 5 lần = 280.000đ/m ²	m ²	100,00			280.000					28.000.000		
	<i>(Ông bà: Phạm Mạnh - Hoàng Thị Duyên được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho hộ gia đình, cả nhân khi Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại khoản 1 Điều 22 Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ. Lý do: ông, bà: Đào Văn Thanh - Phạm Thị Luận có thu nhập từ sản xuất nông nghiệp trên đất do (thửa đất bị thu hồi) theo xác nhận của UBND phường Đông Hới tại Công văn số 1819/UBND-KTHTĐT ngày 13/4/2026</i>												
	<i>Hỗ trợ ổn định sản xuất kinh doanh. Mức hỗ trợ bằng 10% giá đất cùng loại trong bảng giá đất quy định tại Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị. Cụ thể: 56.000đ/m² x 10% = 5.600đ/m²</i>												
	<i>(Căn cứ hỗ trợ ổn định sản xuất kinh doanh quy định tại khoản 6 điều 20 nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 và điểm a, khoản 4 Điều 11,</i>												
	<i>Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)</i>												

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)		Mức hỗ trợ (%)	Thành tiền (đồng)		Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
				Đất	Tài sản trên đất		Đất	Hỗ trợ		
3	Bà: Nguyễn Thị Vũng và những người thừa kế theo pháp luật của ông Phạm Văn Lung (đã chết) - CCCD:044178002908 - SĐT: 0393243707 - Địa chỉ: TDP Cửa Phú, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị. - Chỗ ở hiện nay: TDP Cửa Phú, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị.									TB số 1332/TB-UBND ngày 20/3/2026
A/	Bồi thường về đất (Bồi thường về đất căn cứ quy định tại Điều 95, Điều 96 Luật Đất đai năm 2024)									
	Giá đất tính bồi thường căn cứ Công văn số 741/KTHH&ĐT ngày 27 tháng 3 năm 2026 của phòng Kinh tế Hạ tầng và Đô thị về việc cung cấp phương án giá đất để lập phương án bồi thường khi nhà nước thu hồi đất công trình dự án thành phần 2 - Cầu Nhật Lệ 3 và đường 2 đầu cầu, tại phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị									
	Kèm theo chứng thư định giá đất số 12/CT-BQL ngày 27 tháng 03 năm 2026 của Ban quản lý dự án ĐTXD và PTOĐ Đồng Hới									
-	Đất trồng cây hàng năm khác (HINK), thửa 193-4-1, TĐĐ số 25 (Bảo Ninh)	m ²	277,30	56.000				15.528.800		
	Nguồn gốc đất: Do bố, mẹ ông Phạm Văn Lung khai hoang trồng cây hàng năm khác từ năm 1970, đến năm 1999 cho con là Phạm Văn Lung - Nguyễn Thị Vũng sử dụng, nay ông Phạm Văn Lung đã chết được UBND phường Đồng Hới các nhận tại Công văn số 1012/UBND-KTHHĐT ngày 04/3/2026.									
B/	Bồi thường, hỗ trợ tài sản trên đất:									
	Tài sản tạo lập trước thông báo thu hồi đất theo xác nhận của UBND phường Đồng Hới xác nhận tại Công văn số 1819/UBND-KTHHĐT ngày 13/4/2026.									
-	Khoai Lang lấy củ, KT: 277,3 m ² (Sản lượng: diện tích*năng suất: 277,3*0.6811 kg/m ²)	kg	188,87	23.400				4.419.535		STT 3 Mục A - QĐ 12/2025
	Năng suất khoai lang lấy củ năm 2024 đạt 68,11 tạ/ha = 0.6811 kg/m ² (theo báo cáo chính thức diện tích, năng suất, sản lượng cây hàng năm 2024 của Chi cục Thống kê Đồng Hới)									
-	Hỗ trợ 01 vụ khoai lang lấy củ. Sản lượng khoai lang = 277,3 m ² *0.6811 kg/m ² = 188,869 kg	kg	188,87	23.400				4.419.535		STT 3 Mục A - QĐ 12/2025
	Hỗ trợ căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 15 Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị									
-	Bạch đàn: Cây đk 20 cm < Φ ≤ 25cm	Cây	1,00	284.400				284.400		ĐG, STT 2.10, Mục D, QĐ 12/2025

Handwritten signature and initials in blue ink.

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Mức hỗ trợ (%)	Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
-	Phi Lao: Cây đường kính 20cm $\Phi \leq 25\text{cm}$	Cây	2,00		284.400				568.800			DG, STT 2.10, Mục D, QĐ 12/2025
-	Sanh: Cây từ đường kính 8cm <math><\Phi \leq 12\text{ cm}</math>	Cây	6,00		540.000		50%		3.240.000			DG, STT 6.1, Mục F, QĐ 12/2025
<i>(Riêng sanh, si, đa, đề giá bằng 50% mức giá tại stt 6/F phục lục I theo quy định tại QĐ 12/2025/QĐ-UBND sửa đổi, bổ sung một số điều của QĐ số 33/2024/QĐ-UBND)</i>												
-	Giếng khoan đất cát (khoan máy), loại ống Φ 76, khoan sâu 10m	giếng	2,00		7.385.000				14.770.000			STT 28.9/VLB PL 1, QĐ 23/2026
-	Khóa nhựa Φ 42	cái	2,00		45.000				90.000			Khảo sát thị trường
-	Co nhựa Φ 42	cái	2,00		12.000				24.000			Khảo sát thị trường
-	T nôi Φ 42	cái	2,00		12.000				24.000			Khảo sát thị trường
-	Ông nhựa PVC Φ 42 dày 1,8mm	m	28,00		31.968				895.104			DG S# 2644, Công bố số 2462/CB-SXD ngày 06/4/2026
	<i>(Đơn giá 29.600 đ/m + 8 % thuế VAT = 31.968 đồng/m). Mức Thuế GTGT 8 % theo Nghị định 174/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025</i>											
C/	Các khoản hỗ trợ										79.196.880	
-	Số nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất	khẩu	1,00									
-	Hỗ trợ ổn định đời sống khi Nhà nước thu hồi đất chiếm tỷ lệ 8% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng.	kg									0	
<i>(Đã tính hỗ trợ tại phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi hết đất ở phải di chuyển chỗ ở)</i>												
	Hỗ trợ đào tạo nghề và tìm kiếm việc làm. Mức hỗ trợ bằng 5 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất quy định tại Nghị quyết số 12/2025/NĐ-HĐND. Cụ thể: $56.000\text{đ}/\text{m}^2 \times 5 \text{ lần} = 280.000\text{đ}/\text{m}^2$	m2	277,30						280.000			77.644.000
<i>(Bà: Nguyễn Thị Vũng được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại Khoản 1 Điều 22 Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ. Lý do: bà: Nguyễn Thị Vũng có thu nhập từ sản xuất nông nghiệp trên đất đó (thừa đất bị thu hồi) theo xác nhận của UBND phường Đông Hới tại Công văn số 1819/UBND-KTHTĐT ngày 13/4/2026</i>												

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)		Mức hỗ trợ (%)	Thành tiền (đồng)		Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
				Đất	Tài sản trên đất		Đất	Tài sản trên đất		
-	Hỗ trợ ổn định sản xuất kinh doanh. Mức hỗ trợ bằng 10% giá đất cùng loại trong bảng giá đất quy định tại Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị. Cụ thể: 56.000đ/m ² x 10% = 5.600đ/m ²	m ²	277,30			5.600			1.552.880	
	<i>(Căn cứ hỗ trợ ổn định sản xuất kinh doanh quy định tại khoản 6 điều 20 nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 và điểm a, khoản 4 Điều 11, Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)</i>									
4	Ông: Phạm Văn Bạch - CCCD: 044075001245 - SĐT: 0395479915 - Địa chỉ: TDP Cù Phú, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị. - Chủ ở hiện nay: TDP Cù Phú, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị.									TB số 1332/TB-UBND ngày 20/3/2026
<u>A/</u>	Bồi thường về đất <i>(Bồi thường về đất căn cứ quy định tại Điều 95, Điều 96 Luật Đất đai năm 2024)</i> Giá đất tính bồi thường căn cứ Công văn số 741/KHTH&ĐT ngày 27 tháng 3 năm 2026 của phòng Kinh tế Hạ tầng và Đô thị về việc cung cấp phương án giá đất để lập phương án bồi thường khi nhà nước thu hồi đất công trình dự án thành phần 2 - Cầu Nhật Lệ 3 và đường 2 đầu cầu, tại phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị Kèm theo chứng thư định giá đất số 12/CT-BQL ngày 27 tháng 03 năm 2026 của Ban quản lý dự án ĐTXD và PTQĐ Đồng Hới									
-	Đất trồng cây hàng năm khác (HNK), thửa 193-2, TĐĐ số 25	m ²	395,70	56.000				22.159.200		
	<i>Nguồn gốc đất: Đất do bố, mẹ là Phạm Văn Phong - Phạm Thị Rong khai hoang trồng cây hàng năm khác từ trước năm 1975, đến năm 1993 cho con là Phạm Văn Bạch sử dụng đến nay được UBND phường Đồng Hới xác nhận tại công văn số 1012/UBND-KTHTĐT ngày 04/3/2026.</i>									
B/	Bồi thường, hỗ trợ tài sản trên đất:								<u>16.470.927</u>	
*	<i>Tài sản tạo lập trước thông báo thu hồi đất được UBND phường Đồng Hới xác nhận tại công văn số 1819/UBND-KTHTĐT ngày 13/4/2026</i>									
-	Khoai Lang lấy củ, KT: 395,7 m ² (Số lượng: diện tích * năng suất: 395,7*0.6811 kg/m ²)	kg	269,51						6.306.564	STT 3 Mục A - QĐ 12/2025
	<i>Năng suất khoai lang lấy củ năm 2024 đạt 68,11 tạ/ha = 0.6811 kg/m²</i>									
	<i>(theo báo cáo chính thức diện tích, năng suất, sản lượng cây hàng năm 2024 của Chi cục Thống kê Đồng Hới)</i>									

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Mức hỗ trợ (%)	Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
-	Hỗ trợ 01 vụ khoai lang lấy củ. Sàn lượng khoai lang = 395,7 m ² *0,6811 kg/m ² = 269,511 kg	kg	269,51		23.400				6.306.564		STT 3 Mục A - QĐ 12/2025	
<i>Hỗ trợ cầm cứ quy định tại khoản 4 Điều 15 Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị</i>												
-	Keo: Cây đường kính 25cm <Φ ≤ 30cm	Cây	5,00		347.600				1.738.000		ĐG, STT 2.10, Mục D, QĐ 12/2025	
-	Phi Lao: Cây đường kính 25cm <Φ ≤ 30cm	Cây	3,00		347.600				1.042.800		ĐG, STT 2.10, Mục D, QĐ 12/2025	
-	Giếng khoan đất cát sâu 6m (khoan thủ công)	giếng	1,00		1.077.000				1.077.000		STT 28.7/VVB PL 1, QĐ 23/2026	
C/	<u>Các khoản hỗ trợ</u>										<u>115.936.920</u>	
-	Số nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất	khẩu	1,00									
-	Hỗ trợ ổn định đời sống khi Nhà nước thu hồi đất chiếm tỷ lệ 23% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng. Cụ thể: 01 khẩu x 30kg gạo/tháng x 5 tháng	kg	150,00			19.500				2.925.000		
<i>(Tỷ lệ thu hồi đất chiếm 23 % đất nông nghiệp đang sử dụng, được UBND phường Đồng Hới xác nhận tại GXN số 1818/GXN-UBND ngày 13/4/2026, (Hỗ trợ ổn định đời sống quy định tại điểm c, Khoản I, Điều 11 Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/03/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)</i>												
<i>Đơn giá cầm cứ phiếu điều tra bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng ngày 18/3/2026 của Thống kê cơ sở Đồng Hới</i>												
-	Hỗ trợ đào tạo nghề và tìm kiếm việc làm. Mức hỗ trợ bằng 5 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất quy định tại Nghị quyết số 12/2025/NĐ-HĐND. Cụ thể: 56.000đ/m ² x 5 lần = 280.000đ/m ²	m ²	395,70			280.000				110.796.000		
<i>(Ông: Phạm Văn Bạch được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại khoản 1 Điều 22 Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ. Lý do: ông: Phạm Văn Bạch có thu nhập từ sản xuất nông nghiệp trên đất đó (thửa đất bị thu hồi) được UBND phường Đồng Hới xác nhận tại Công văn số 1819/UBND-KTHTĐT ngày 13/4/2026</i>												

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)		Mức hỗ trợ (%)	Thành tiền (đồng)		Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
				Đất	Tài sản trên đất		Đất	Tài sản trên đất		
-	Hỗ trợ ổn định sản xuất kinh doanh. Mức hỗ trợ bằng 10% giá đất cùng loại trong bảng giá đất quy định tại Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị. Cụ thể: 56.000đ/m ² x 10% = 5.600đ/m ²	m ²	395,70			5.600			2.215.920	
<i>(Căn cứ hỗ trợ ổn định sản xuất kinh doanh quy định tại khoản 6 điều 20 nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 và điểm a, khoản 4 Điều 11, Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)</i>										
5	Ông, bà: Nguyễn Ngọc Lanh - Nguyễn Thị Oanh - CCCD: 044072001217 - SĐT: 0976270587 - Địa chỉ: TDP Cửa Phú, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị. - Chỗ ở hiện nay: TDP Cửa Phú, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị.									TB số 1332/TB-UBND ngày 20/3/2026
A/	Bồi thường về đất <i>(Bồi thường về đất căn cứ quy định tại Điều 95, Điều 96 Luật Đất đai năm 2024)</i>									
	Giá đất tính bồi thường căn cứ Công văn số 741/KTHT&ĐT ngày 27 tháng 3 năm 2026 của phòng Kinh tế Hạ tầng và Đô thị và việc cung cấp phương án giá đất để lập phương án bồi thường khi nhà nước thu hồi đất công trình dự án thành phần 2 - Cầu Nhật Lệ 3 và đường 2 đầu cầu, tại phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị									
	Kèm theo chứng thư định giá đất số 12/CT-BQL ngày 27 tháng 03 năm 2026 của Ban quản lý dự án ĐTXD và PTQĐ Đồng Hới									
-	Đất trồng cây hàng năm khác (HNK), thửa 195-5, TĐĐ số 25	m ²	246,70	56.000				13.815.200		
<i>Nguồn gốc đất: Đất do ông, bà: Nguyễn Ngọc Lanh - Nguyễn Thị Oanh sử dụng trồng cây hàng năm khác từ năm 2003 đến nay được UBND phường Đồng Hới xác nhận tại Công văn số 1012/UBND-KTHTĐT ngày 04/3/2026.</i>										
-	Đất trồng cây hàng năm khác (HNK), thửa 193(1), TĐĐ số 25	m ²	196,60	56.000				11.009.600		
<i>Nguồn gốc đất: Bó mẹ khai hoang trồng cây từ trước năm 1970 sau đó cho con Nguyễn Ngọc Lanh tiếp tục sử dụng cho đến nay</i>										
<i>Xác nhận theo công văn số 523/UBND ngày 13/6/2025 của UBND xã Bảo Ninh</i>										
	Tổng diện tích đất bị thu hồi:		443,30							
B/	Bồi thường, hỗ trợ tài sản trên đất:							25.238.469		

(Handwritten signatures and initials)

TT	Họ và tên	Dvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Mức hỗ trợ (%)	Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
b1	Tài sản trên thửa đất 193(1), tờ bản đồ 25 (Bảo Ninh)											
	<i>Tài sản tạo lập trước thông báo thu hồi đất được UBND phường Đồng Hới xác nhận tại Công văn số 1819/UBND-KTHTĐT ngày 13/4/2026</i>											
-	Khoai Lang lấy củ, KT: 196,6 (Sàn lưong: diện tích* năng suất: 196,6*0.6811 kg/m ²)	kg	133,90		23.400				3.133.360			STT 3 Mục A - QĐ 12/2025
	<i>Năng suất khoai lang lấy củ năm 2024 đất 68,11 t/ha = 0.6811 kg/m²</i>											
	<i>(theo báo cáo chính thức diện tích, năng suất, sản lượng cây hàng năm 2024 của Chi cục Thống kê Đồng Hới</i>											
-	Hỗ trợ 01 vụ khoai lang lấy củ. Sàn lưong khoai lang = 196,6 m ² *0.6811 kg/m ² = kg	kg	133,90		23.400				3.133.360			STT 3 Mục A - QĐ 12/2025
	<i>Hỗ trợ căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 15 Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị</i>											
-	Phi Lao: Cây đường kính 20cm$\Phi \leq 25\text{cm}$	cây	1,00		284.400				284.400			BG, STT 2.10, Mục D, QĐ 12/2025
-	Bạch Đàn: Cây đk 15cm$\Phi \leq 20\text{cm}$	cây	1,00		158.000				158.000			BG, STT 2.10, Mục D, QĐ 12/2025
-	Giếng khoan đất cát sâu 6m (khoan thủ công)	giếng	1,00		1.077.000				1.077.000			STT 28.7/VVB PL 1, QĐ 23/2026
b2	Tài sản trên thửa đất 199(S), tờ bản đồ 25 (Bảo Ninh)											
	<i>(Tài sản b2.1, b2.2 tạo lập năm 2021, tài sản b2.3 tạo lập năm 2022 theo xác nhận của UBND phường Đồng Hới tại Công văn số 1819/UBND-KTHTĐT ngày 13/4/2026)</i>											
	<i>Tài sản mục b2.1, b2.2, b2.3 xây dựng, tạo lập trái quy định trên đất trồng cây hàng năm khác nên không được bồi thường theo quy định tại khoản 2, Điều 105 Luật Đất đai 2024 nhưng được hỗ trợ theo quy định tại điểm b khoản 8 Điều 15 Quyết định số 26/QĐ-UBND ngày 29/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Bình. Mức hỗ trợ bằng 10%. Lý do:</i>											
	<i>Công trình xây dựng khác được tạo lập, xây dựng trái quy định kể từ ngày 01/7/2014 đến trước ngày Nhà nước có thông báo thu hồi đất mà quá trình tạo lập không có văn bản xin ý, ngân chặn của cấp có thẩm quyền thì được hỗ trợ.</i>											
	Tường rào (phía Bắc) xây gạch block, chừa tô trát, móng tường rào xây đá học cao 1,0m, tường rào xây cao 1,2m, có bố trí BTCT, có giằng BTCT. Phía trên tường rào có lưới B40, cọc sắt cao 1,2m. Tường dài 28,0 m. KT: 28,0*1,2	m ²	33,60		1.190.000				3.998.400			STT 19.20/VVB PL 1, QĐ 23/2026
-	Phần lưới B40 trên tường rào, cao 1,2 m	md	28,00		149.000		10%		417.200			STT 19.5/VVB PL 1, QĐ 23/2026
	<i>(Căn cứ điểm h, mục 1.6, phần 2, Phụ lục IV Quyết định số 23/2026/QĐ-UBND ngày 11/02/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)</i>											

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)		Mức hỗ trợ (%)	Thành tiền (đồng)		Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
				Đất	Tài sản trên đất		Đất	Tài sản trên đất		
-	Giảm số tiền tường rào xây thấp hơn quy định 20cm, cứ 10cm giảm tương ứng 51.000 đ/m ² (Đơn giá quy định chiều cao tường 1,4m). KT: 28,0*0,2 (Căn cứ mục 2.3, phần 2, Phụ lục IV Quyết định số 23/2026/QĐ-UBND ngày 11/02/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)	m ²	5,60		-102.000	10%		-57.120		
-	Móng tường rào xây cao hơn quy định 50 cm được tính bù thêm (Đơn giá tường rào tính cho móng cao 50 cm). KT: 28,0*0,4*0,5 (Căn cứ mục 2.3, phần 2, Phụ lục IV Quyết định số 23/2026/QĐ-UBND ngày 11/02/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)	m ³	5,60		1.228.000	10%		687.680	STT 8/V/B PL I, QĐ 23/2026	
b2.2	Tường rào (phía Đông) xây gạch block, chưa tô trát, móng tường rào xây đá hộc cao 1,0m, tường rào xây cao 1,2m, có bộ trụ BTCT, có giằng BTCT. Phía trên tường rào có lưới B40 cao 1,2m. Tường dài 14,5 m. KT: 14,5*1,2 (Căn cứ điểm h, mục 1.6, phần 2, Phụ lục IV Quyết định số 23/2026/QĐ-UBND ngày 11/02/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)	m ²	17,40		1.190.000	10%		2.070.600	STT 19.20/V/B PL I, QĐ 23/2026	
-	Phần lưới B40 trên tường rào, cao 1,2 m (Căn cứ điểm h, mục 1.6, phần 2, Phụ lục IV Quyết định số 23/2026/QĐ-UBND ngày 11/02/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)	md	14,50		149.000	10%		216.050	STT 19.5/V/B PL I, QĐ 23/2026	
-	Giảm số tiền tường rào xây thấp hơn quy định 20cm, cứ 10cm giảm tương ứng 51.000 đ/m ² (Đơn giá quy định chiều cao tường 1,4m). KT: 14,5*0,2 (Căn cứ mục 2.3, phần 2, Phụ lục IV Quyết định số 23/2026/QĐ-UBND ngày 11/02/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)	m ²	2,90		-102.000	10%		-29.580		
-	Móng tường rào xây cao hơn quy định 50 cm được tính bù thêm (Đơn giá tường rào tính cho móng cao 50 cm). KT: 14,5*0,4*0,5 (Căn cứ mục 2.3, phần 2, Phụ lục IV Quyết định số 23/2026/QĐ-UBND ngày 11/02/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)	m ³	2,90		1.228.000	10%		356.120	STT 8/V/B PL I, QĐ 23/2026	

Handwritten signature and mark

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Mức hỗ trợ (%)	Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
b2.3	Mái che lợp tôn, khung sườn bằng sắt, cột bằng bằng ống mạ kẽm Φ 76, tường bao che bằng tôn, mái lợp tôn, nền láng xi măng. KT: 8,0*2,0	m2	16,00		771.000		10%		1.233.600		STT 45.13/V/MB PL 1, QĐ 23/2026	
b2.4	Hệ thống tưới nước nhỏ giọt:											
	<i>Tạo lập trước thông báo thu hồi đất theo xác nhận của UBND phường Đồng Hới tại Công văn số 1819/UBND-KTHTĐT ngày 13/4/2026.</i>											
-	Ông nhựa đen 16mm	m	100,00		4.800				480.000		Khảo giá thị trường	
-	Ông nhựa đen 8,0mm	cái	100,00		3.500				350.000		Khảo giá thị trường	
-	T giảm uPVC Φ 16mm vè 8mm	cái	30,00		4.000				120.000		Khảo giá thị trường	
-	Nối giảm từ Φ 16 vè 8	cái	10,00		4.000				40.000		Khảo giá thị trường	
-	Béc nhỏ Φ 8	cái	30,00		13.000				390.000		Khảo giá thị trường	
b2.5	Cây trồng:											
	<i>Tạo lập trước thông báo thu hồi đất theo xác nhận của UBND phường Đồng Hới tại Công văn số 1819/UBND-KTHTĐT ngày 13/4/2026.</i>											
-	Mãng cầu từ năm thứ 4 đến hết năm thứ 6	Cây	6,00		206.700				1.240.200		DG, STT 11.1, Mục B, QĐ 12/2025	
-	Mãng cầu từ năm thứ 2 đến hết năm thứ 3	Cây	7,00		120.100				840.700		DG, STT 11.1, Mục B, QĐ 12/2025	
-	Xoài từ năm thứ 2 đến hết năm thứ 3	Cây	3,00		257.700				773.100		DG, STT 13.1, Mục B, QĐ 12/2025	
-	Mít từ năm thứ 2 đến hết năm thứ 3	Cây	6,00		281.400				1.688.400		DG, STT 7.1, Mục B, QĐ 12/2025	
-	Chanh từ năm thứ 4 đến hết năm thứ 6	Cây	2,00		952.500				1.905.000		DG, STT 2.1, Mục B, QĐ 12/2025	
-	Chanh từ 45 ngày đến hết năm thứ 1	Cây	6,00		122.000				732.000		DG, STT 2.1, Mục B, QĐ 12/2025	
C/	Các khoản hỗ trợ								126.606.480			
-	Số nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất	khẩu	2,00									
-	Hỗ trợ ổn định đời sống khi Nhà nước thu hồi đất chiếm tỷ lệ 78% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng.	hàng										
	<i>(Đã tính hỗ trợ tại phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất ở phải di chuyển chỗ ở)</i>											

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)		Mức hỗ trợ (%)	Thành tiền (đồng)		Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
				Đất	Tài sản trên đất		Đất	Tài sản trên đất		
-	Hỗ trợ đào tạo nghề và tìm kiếm việc làm. Mức hỗ trợ bằng 5 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất quy định tại Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND. Cụ thể: 56.000đ/m ² x 5 lần = 280.000đ/m ²	m ²	443,30	Đất	Hỗ trợ			124.124.000		
	<i>(Ông, bà: Nguyễn Ngọc Lanh - Nguyễn Thị Oanh được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại khoản 1 Điều 22 Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ. Lý do: ông: Nguyễn Ngọc Lanh - Nguyễn Thị Oanh có thu nhập từ sản xuất nông nghiệp trên đất đó (thửa đất bị thu hồi) theo xác nhận của UBND phường Đồng Hới tại Công văn số 1819/UBND-KTHTĐT ngày 13/4/2026</i>									
-	Hỗ trợ ổn định sản xuất kinh doanh. Mức hỗ trợ bằng 10% giá đất cùng loại trong bảng giá đất quy định tại Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị. Cụ thể: 56.000đ/m ² x 10% = 5.600đ/m ²	m ²	443,30	Đất	Hỗ trợ	5.600		2.482.480		
	<i>(Căn cứ hỗ trợ ổn định sản xuất kinh doanh quy định tại khoản 6 điều 20 nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 và điểm a, khoản 4 Điều 11, Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)</i>									
6	Ông: Nguyễn Bình Thạnh - CCCD: 044085004317 - SĐT: 0913576828 - Địa chỉ: TDP Cù Phú, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị. - Chủ ở hiện nay: TDP Cù Phú, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị.									TB số 4575/TB-UBND ngày 25/11/2025
<u>A/</u>	<u>Bồi thường về đất</u>									
	<i>(Bồi thường về đất căn cứ quy định tại Điều 95, Điều 96 Luật Đất đai năm 2024)</i>									
	<i>Giá đất tính bồi thường căn cứ Công văn số 633/KTHT&ĐT ngày 17 tháng 3 năm 2026 của phòng Kinh tế Hạ tầng và Đô thị về việc cung cấp phương án giá đất để lập phương án bồi thường khi nhà nước thu hồi đất công trình dự án thành phần 2 - Cầu Nhật Lệ 3 và đường 2 đầu cầu, tại phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị</i>									
	<i>Kèm theo chứng thư định giá đất số 02/CT-BQL ngày 28 tháng 01 năm 2026 của Ban quản lý dự án ĐTXD và PTQĐ Đồng Hới</i>									
-	Đất trồng cây hàng năm khác (HNK), thửa 147(1), TĐĐ số 25	m ²	99,80	Đất				5.588.800		
	<i>Nguồn gốc đất: Bó mẹ khai hoang trồng cây từ trước năm 1990 đến năm 2005 cho con là Nguyễn Bình Thạnh tiếp tục sử dụng cho đến nay</i>									

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Mức hỗ trợ (%)	Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
Xác nhận theo công văn số 523/UBND ngày 13/6/2025 của UBND xã Bảo Ninh												
B/	Bồi thường, hỗ trợ tài sản trên đất:											
	Tài sản tạo lập năm 2020 theo xác nhận của UBND phường Đồng Hới tại Công văn số 1454/UBND-KTHTĐT ngày 27/3/2026											
	Ông nhựa Φ 27	m	10,00		15.552					155.520		STT 2640, Công bố số 2462/CB-SXD 2026
	(Đơn giá 14.400 đ/m + 8 % thuế VAT = 15.552 đ/m). Mức Thuế GTGT 8 % theo Nghị định 174/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025											
	Ông nhựa Φ 49	m	30,00		36.828					1.104.840		STT 2645, Công bố số 2462/CB-SXD 2026
	(Đơn giá 34.100 đ/m + 8 % thuế VAT = 36.828 đ/m). Mức Thuế GTGT 8 % theo Nghị định 174/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025											
	Đầu co Φ 27		10,00		5.000					50.000		Khảo giá thị trường
	Đầu béc nhựa		10,00		13.000					130.000		Khảo giá thị trường
	Sanh cây đường kính từ 8cm < Φ ≤ 12cm	Cây	1,00		540.000		50%			270.000		DG, STT 6.1, Mục F, QĐ 12/2031
	(Riêng sanh, si, đa, để giá bằng 50% mức giá tại sít 6/F phục lục I theo quy định tại QĐ 12/2025/QĐ-UBND sửa đổi, bổ sung một số điều của QĐ số 33/2024/QĐ-UBND)											
	Sanh cây đường kính từ 5cm < Φ ≤ 8cm	Cây	9,00		140.000		50%			630.000		DG, STT 6.1, Mục F, QĐ 12/2031
	(Riêng sanh, si, đa, để giá bằng 50% mức giá tại sít 6/F phục lục I theo quy định tại QĐ 12/2025/QĐ-UBND sửa đổi, bổ sung một số điều của QĐ số 33/2024/QĐ-UBND)											
	Hàng rào thép gai cột bê tông cốt thép cao < 1,4m	md	43,00		89.000					3.827.000		STT 19.3/V/IB PL 1, QĐ 23/2026
	Giếng khoan đất cát sâu 6m (khoan thủ công)	Giếng	2,00		1.077.000					2.154.000		STT 28.7/V/IB PL 1, QĐ 23/2026
C/	Các khoản hỗ trợ											
-	Số nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất	khẩu	1,00									
-	Hỗ trợ ổn định đời sống khi Nhà nước thu hồi đất chiếm tỷ lệ 18% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng. Cụ thể: 01khẩu x 30kg gạo/tháng x 4 tháng	kg	120,00							19.500		2.340.000
	(Tỷ lệ thu hồi đất chiếm 18% đất nông nghiệp đang sử dụng được UBND phường Đồng Hới xác nhận tại GXN số 1818/GXN-UBND ngày 13/4/2026, nên được hỗ trợ ổn định đời sống quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 11 Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/03/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)											
	Đơn giá căn cứ phiếu điều tra bản lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng ngày 18/3/2026 của Thống kê cơ sở Đồng Hới											

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)		Mức hỗ trợ (%)	Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú	
				Đất	Tài sản trên đất		Hỗ trợ	Đất	Tài sản trên đất			Hỗ trợ
-	Hỗ trợ đào tạo nghề và tìm kiếm việc làm. Mức hỗ trợ bằng 5 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất quy định tại Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND. Cụ thể: 56.000đ/m ² x 5 lần = 280.000đ/m ²	m ²	99,80						27.944.000			
	<i>(Ông: Nguyễn Bình Thạnh được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại khoản 1 Điều 22 Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ. Lý do: ông: Nguyễn Bình Thạnh có thu nhập từ sản xuất nông nghiệp trên đất đỏ (thửa đất bị thu hồi) theo xác nhận của UBND phường Đồng Hới tại Công văn số 1455/UBND-KTHTĐT ngày 27/3/2026</i>											
-	Hỗ trợ ổn định sản xuất kinh doanh. Mức hỗ trợ bằng 10% giá đất cùng loại trong bảng giá đất quy định tại Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị. Cụ thể: 56.000đ/m ² x 10% = 5.600đ/m ²	m ²	99,80			5.600			558.880			
	<i>(Căn cứ hỗ trợ ổn định sản xuất kinh doanh quy định tại khoản 6 điều 20 nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 và điểm a, khoản 4 Điều 11, Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)</i>											
7	Công ty Cổ phần vận tải thương mại Đông Hới - Người được uỷ quyền ông Hoàng Quyết - CCCD: 044071008321 - SĐT: 0833205923 - Địa chỉ thường trú: TDP Cửa Phú, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị. - Chỗ ở hiện nay: TDP Cửa Phú, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị.							0	265.798.215	0	265.798.000	TB số 2202/TB-UBND ngày 22/9/2025
<u>A/</u>	<u>Bồi thường về đất</u>											
	<i>Không được bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 101 Luật Đất đai năm 2024</i>											
	Đất nuôi trồng thủy sản (NTS) thửa đất số 93(1), tờ bản đồ số 60	m ²	969,70									
	<i>Nguồn gốc đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm theo quyết định số 09/QĐ-UB ngày 04/01/2002 của UBND tỉnh Quảng Bình</i>											

(Handwritten signature)

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Mức hỗ trợ (%)	Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
B/	<u>Bồi thường, hỗ trợ tài sản trên đất:</u>											
b1	Tài sản trên thửa đất 93(1), TBD 60											
	<i>Tài sản tạo lập năm 2005 theo xác nhận của UBND phường Đồng Hới tại Công văn số 1630/UBND-KTHTĐT ngày 03/4/2026</i>											
b1.1	Hồ nuôi Cua:											
b1.1.1	Đê 1: (phía Tây giáp với sông ngòi)											
-	Đắp đê tại chỗ. KT: (3,0+1,5)/2*1,7*18,0	m3	68,85		95.000				6.540.750			STT 29/V/IB PL 1, QĐ 23/2026
-	Kè phía ngoài đê xây đá học xanh chống sạt lở (xây trên buy BTCT). KT: 18,0*(0,3+0,6)/2*1,3	m3	10,53		1.228.000				12.930.840			STT 8/V/IB PL 1, QĐ 23/2026
-	Giăng BTCT nằm giữa buy và kè xây đá học xanh. KT: 18,0*0,25*0,1	m3	0,45		8.329.000				3.748.050			STT 3/V/IB PL 1, QĐ 23/2026
-	Buy BTCT đường kính 0,6m, cao 1,2m. KT: 18,0/0,6=30 buy*1,2m = 36m	m	36,00		725.000				26.100.000			STT 38/V/IB PL 1, QĐ 23/2026
	<i>Tài sản tạo lập năm 2005 theo công văn số 1630/UBND-KTHTĐT của UBND phường Đồng Hới ngày 13/4/2026</i>											
b1.1.2	Đê 2: (phía Đông giáp đường giao thông)											
-	Đắp đê tại chỗ. KT: (3,0+1,5)/2*1,7*38,4	m3	146,88		95.000				13.953.600			STT 29/V/IB PL 1, QĐ 23/2026
	<i>Tài sản tạo lập năm 2005 theo công văn số 1630/UBND-KTHTĐT của UBND phường Đồng Hới ngày 13/4/2026</i>											
b1.1.3	Đê 3: (Phía Nam giáp sông ngòi)											
-	Đắp đê tại chỗ. KT: (3,0+1,5)/2*1,7*51,0	m3	195,08		95.000				18.532.125			STT 29/V/IB PL 1, QĐ 23/2026
-	Kè phía ngoài đê xây đá học xanh chống sạt lở (xây trên buy BTCT). KT: 51,0*(0,3+0,6)/2*1,3	m3	29,84		1.228.000				36.637.380			STT 8/V/IB PL 1, QĐ 23/2026
-	Giăng BTCT nằm giữa buy và kè xây đá học xanh. kt: 51,0*0,25*0,1	m3	1,28		8.329.000				10.619.475			STT 3/V/IB PL 1, QĐ 23/2026
-	Buy BTCT đường kính 0,6m, cao 1,2 m. KT: 51,0/0,6=85 buy*1,2m = 102 m	m	102,00		725.000				73.950.000			STT 38/V/IB PL 1, QĐ 23/2026
	<i>Tài sản tạo lập năm 2005 theo công văn số 1630/UBND-KTHTĐT của UBND phường Đồng Hới ngày 13/4/2026</i>											
b1.1.4	Đào hồ sâu ≤ 1,5 m, KT: diện tích thu hồi - diện tích chân đê = 969,7 m ² - (18*3+18*0,6) - (38,4*3+38,34*0,6) - (51*3+51*0,6)	m ²	583,10		28.000				16.326.688			STT 35/V/IB PL 1, QĐ 23/2026

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)		Mức hỗ trợ (%)	Thành tiền (đồng)		Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
				Đất	Tài sản trên đất		Đất	Tài sản trên đất		
	Tài sản tạo lập năm 2005 theo công văn số 1630/UBND-KTHHĐT của UBND phường Đồng Hới ngày 13/4/2026	m2	583,10	28.200			16.443.307		ĐG, STT 11.1, Mục B, QĐ 12/2025	
	Cua biển nuôi từ 100 ngày đến 200 ngày									
	Tài sản tạo lập trước thông báo thu hồi đất theo công văn số 1630/UBND-KTHHĐT của UBND phường Đồng Hới ngày 13/4/2026									
b2	Tài sản trên đất sông ngòi (SON) do UBND phường Đồng Hới quản lý nằm trong phạm vi GPMB									
	Tài sản tạo lập năm 2005 theo xác nhận của UBND phường Đồng Hới tại Công văn số 1630/UBND-KTHHĐT ngày 03/4/2026									
	Tài sản tạo lập trái quy định không được bồi thường theo quy định tại khoản 2, Điều 105 Luật Đất đai 2024 nhưng được hỗ trợ theo quy định tại điểm a, khoản 8 điều 15 Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị, mức hỗ trợ bằng 80% mức bồi thường theo quy định. Lý do: Tài sản xây dựng trái quy định trên đất do UBND phường Đồng Hới quản lý, xây dựng trước ngày 01/7/2014 và tại thời điểm tạo lập không có biên bản đình chỉ và thông báo không được phép tạo lập									
-	Đá hộc xanh xếp khan phía tây ngoài đê hồ nuôi cua. KT: 18,0*2,5*0,4	m3	18,00	670.000		80%	9.648.000		STT 11/V/B PL I, QĐ 23/2026	
-	Đá hộc xanh xếp khan phía Nam ngoài đê hồ nuôi cua. KT: 38,0*2,5*0,4	m3	38,00	670.000		80%	20.368.000		STT 11/V/B PL I, QĐ 23/2026	
C/	Các khoản hỗ trợ							0		
	Tổng cộng:						97.703.200	380.128.577	503.551.320	981.383.000

Số tiền bằng chữ: (Chín trăm tám mươi một triệu ba trăm tám mươi ba nghìn đồng chẵn)./.

Đồng Hới, ngày 09 tháng 4 năm 2026

KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN



Nguyễn Thị Hương Giang

